SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TTYT H. GIỒNG RIỀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 840/QĐ-TTYT

Giồng Riềng, ngày 08 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GIỒNG RIỀNG

Căn cứ vào nhu cầu của Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ quyết định số: 777 /QĐ-TTYT ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng về việc Phê duyệt Dự toán mua thuốc, vật tư y tế phục vụ cho công tác chữa bệnh.

Xét năng lực tài chính, khả năng, uy tín và chất lượng cung cấp hàng hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chọn: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DOANH TRÍ.

Địa chỉ: Lô P25-08, Đường 3 tháng 2, KĐT Phú Cường, Phường An Hòa, Thành Phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Là đơn vị có đủ năng lực: cung cấp thuốc, vật tư y tế nhằm phục vụ công tác chữa bệnh.

Điều 2. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DOANH TRÍ có trách nhiệm cung cấp hàng hóa theo số lượng, chất lượng và giá cả theo báo giá của công ty.

Tổng số tiền là: **23.242.500** đồng *(Hai mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng).*

Điều 3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giao trách nhiệm cho Khoa Dược-TTB-VTYT có trách nhiệm thông báo kết quả phê duyệt lựa chọn nhà thầu, thương thảo ký kết hợp đồng và thực hiện các bước tiếp theo đúng qui định hiện hành của nhà nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoa Dược-TTB-VTYT và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành hành quyết định này./.

Nơi nhận:
-Như điều 5;
-Cổng TTĐT TTYT GR;
-Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GIỒNG RIỀNG

Lê Văn Nhì

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 840 /QĐ-TTYT ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng)

Đvt: đồng

Stt	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*Naphacogyl#Rodogyl-H/20vie-NHà	Hộp	6	22,000	132,000
2	BComplex-V/10vie-PP	Vỉ	30	2,650	79,500
3	Bipp C cam-H/35gói*10 viên-HGiang	Hộp	4	90,000	360,000
4	Calciclorid-Inj-H/50A-VPhúc	Hộp	2	75,000	150,000
5	Calcium Corbier EXTRA-A/10ml-H/30A-Sanofi	Hộp	2	198,000	396,000
6	Calcium+D-H/100vie-Q4,TNam	Hộp	2	28,000	56,000
7	Ciprofloxacin 500mg-H/100vie-QB	Hộp	2	85,000	170,000
8	Dầu Thái nhỏ- C/3ml (Lốc/12C)	Chai	13	18,000	234,000
9	Danzym 10-H/100vie-PP	Hộp	2	39,000	78,000
10	Dexamethasone 4mg/1ml-H/10A-BĐ	Hộp	14	19,000	266,000
11	Diclofenac 7,5mg/3ml Inj-H/10-BĐ	Hộp	10	22,000	220,000
12	Edoz Kids(A.Citric)- g/2gr h/24-HG	Hộp	46	31,000	1,426,000
13	Enteric gói-H/30*3g-2/9	Hộp	1	68,000	68,000
14	Glucose 30% (đầu loe) H/50A-BĐi	Hộp	1	75,000	75,000
15	Glucose 5% 500ml (nhựa) _Bidi	Chai	61	13,500	823,500
16	Gynofar 250ml_Pharmedic MP	Chai	35	14,000	490,000
17	Hydrocortison 100mg/2ml-H/1C-(BĐinh)	Cặp	57	18,000	1,026,000
18	Kemin USA#Kremint'S-H/100vie-Usar	Hộp	2	22,000	44,000
19	Lactat Ringer 500ml (PP-KB-nhựa)_Bidi	Chai	275	13,500	3,712,500
20	Lidocain 2%/2ml- H/100A - Bidi	Hộp	3	79,000	237,000
21	Panadol Extra MỚI- H/180-GSK	Hộp	6	249,000	1,494,000
22	Perigolric nén (Lope)-V/15vie-TNp	Vỉ	50	2,300	115,000
23	Pharton Usarich (Vita+GS)-H/60vie-PP	Hộp	2	34,000	68,000
24	Piracetam 400mg-H/100vie-TNam	Hộp	1	42,000	42,000
25	Metoclopramid 10mg/2ml(Primeperan)-Bdi	H/12A	7	24,500	171,500
26	Miclacol Blue F-H/100vie-NIC	Hộp	1	78,000	78,000
27	Motilium M-domperidon-C/30ml-Jans	Chai	2	36,000	72,000
28	Myvita Multi- Tub/20-SPM-NHÃN	Tube	5	25,600	128,000
29	Natri Clorid 0,9% (nhựa) C/500ml-Bidi	Chai	56	13,500	756,000
30	Neostyl đặt #Neo Tergynan-H/10vie-SPM	Hộp	2	25,000	50,000

31	Oresol-H/100gói-Nlc, PP	Gói	40	1,600	64,000
32	Phospha H/26gói_Pháp	Hộp	17	129,000	2,193,000
33	Piracetam Kabi 1g/5ml-H/12A-Bdi	Hộp	10	41,000	410,000
34	Profentana 400 Hồng(Ibu)-H/100vie-KHo	Hộp	4	46,000	184,000
35	Pyramet 800(Piracetam)-H/30vie-US	Hộp	10	23,000	230,000
36	Rectiofar Mối 3ml-H/50-pharmedic	Hộp	1	132,000	132,000
37	Rob Euca #Euca xanh-H/100vie-TVp-1	Hộp	1	55,000	55,000
38	Rotundin ODT-Rotundin 30mg -SPM	H/30vie	4	44,100	176,400
39	Rutin vitamin C (50+50)-H/100vie-TN	Hộp	1	23,000	23,000
40	Spasmonavin-V/15vie-KHo(TN) (H/20 vỉ)	Vỉ	80	4,200	336,000
41	Tamgezyl 500mg Dài (Tanganyl#Pháp)-H/20vie-TN	Hộp	35	15,000	525,000
42	Test thử thai Pregnancy HCG(xanh)-H/1 que	Hộp	40	5,000	200,000
43	Tophem-Fe- H/100-Dnp	Hộp	3	62,000	186,000
44	Topralsin#Toplexin-C/24-CL. Benovas	Chai	22	8,000	176,000
45	Toussolene 5mg(Theralen)-V/25-(KHo)	Vỉ	10	3,600	36,000
46	Vincozyn Plus-H/10A-VPhúc	Hộp	13	17,500	227,500
47	Vitamin B1B6B12 New-hồng#Nhật-V/10vie-PP	Vỉ	130	2,200	286,000
48	Vitamin C 500mg (Nén) V/10 - QB	Vỉ	30	2,200	66,000
49	Vitamin C 500mg/5ml- H/6A- BĐ	Hộp	8	15,900	127,200
50	Vitamin PP 500mg- H/100-MK	Hộp	3	38,800	116,400
51	Voltaren inj 75mg- H/5A- Novartis	Hộp	10	120,000	1,200,000
52	Celecoxib 200mg-H/30vie-DP 150(Robin)	Hộp	8	23,000	184,000
53	Cetirizin 10mg- Vuông,đỏ-H/100vie-USAR	Hộp	22	19,000	418,000
54	Chlorpheniramin 4mg dài-Vỉ/20vie-(KHo)	Vỉ	70	1,600	112,000
55	Dogwazin 50-Sulpirid- H/30-TNam	Hộp	11	11,000	121,000
56	Faloxin TBU Cefaclor 250-H/10 gói-USp	Hộp	10	42,000	420,000
57	Efferalgan 150mg Đặt-H/10V-Upsa	Hộp	3	27,500	82,500
58	Hapacol 325-V/10-H/100vie-HG	Hộp	11	22,500	247,500
59	Klamentin 1g(Amox+Clavu) v/7 h/14-HG	Hộp	7	107,000	749,000
60	Telfor 120 (Fexo)-V/10 h/20-HG	Hộp	8	47,000	376,000
61	Gastrogel-V/10-DL	Vỉ	50	6,300	315,000
62	Salonpas dán - HN/40 miếng	H/40m	5	50,000	250,000
	TỔNG CỘNG				**23,242,500**